TECHNICAL DATA SHEET

F3030 HOMO POLYPROPYLENE

ỨNG DỤNG/*APPLICATION*

- Sản xuất màng phim BOPP 1 lớp hoặc nhiều lớp trên dây chuyền gia công tốc độ cao để ứng dụng sản xuất túi, bao bì đóng gói, màng phim phủ lớp kim loại, v.v
- *Mono layer or multi-layer films produced at very high speed machine for packaging, metallizable films, etc.*

TUÂN THỦ QUY ĐỊNH/*REGULATORY INFORMATION:*

- Đáp ứng các yêu cầu của Cơ quan Quản lý Thực phẩm và Dược phẩm Hoa Kỳ (FDA) trong Bộ luật Quy định Liên bang trong 21 CFR 177.1520 về tiếp xúc với thực phẩm.
- *Meets the U.S. Food and Drug Administration (FDA) requirements in the Code of Federal Regulations in 21 CFR 177.1520 for food contact.*

ĐẶC TÍNH/*CHARACTERISTICS*

Gia công dễ dàng, nhẹ tải, tiết kiệm năng lượng, sử dụng được trên dây chuyền tốc độ cao, sản xuất khổ màng rộng với độ dày ổn định, giúp nâng cao năng suất, hiệu suất/ *Excellent processability, low power consumption, well operated on high-speed machine lines, produce wide film width with stable thickness, helping to improve productivity and efficiency.*

- Màng phim rất trong suốt, bóng.
- Không chứa Canxi Stearate, phụ gia chống dính và phụ gia tăng tính trượt.
- Kháng nước kéo theo tốt.
- *Excellent transparency and gloss films*
- *Calcium stearate free, does not contain any slip or anti-blocking agents.*
- *Low water carry over.*

THÔNG SỐ ĐIỂN HÌNH/*TYPICAL DATA*

TÍNH CHẤT/*PROPERTIES*	UNIT	VALUE	TEST METHOD
Chỉ số dòng nóng chảy/*Melt Flow Rate* (2,16 kg/ 230°C)	**g/10 min**	**3,0**	**ASTM D1238**
Mật độ khối/ *Bulk density*	**kg/m^3**	**558**	**MCI PP-F-103**
Độ trắng/*Whiteness*	**/**	**75**	**MCI PP-F-127-3**
Hàm lượng bay hơi/*Volatile loss*	**%**	**0,005**	**MCI PP-F-115**
Độ bền kéo tại điểm chảy/*Tensile Strength at Yield*	**kgf/cm^2**	**354**	**ASTM D638**
Mô đun uốn/ *Flexural Modulus*	**kgf/cm^2**	**14.000**	**ASTM D790**
Độ bền va đập/*Izod Impact Strength at 23°C*	**kg.cm/cm**	**2,1**	**ASTM D256**

Chú ý/*Remark:* Các giá trị được trình bày ở trên là dữ liệu điển hình, không được hiểu là thông số kỹ thuật và có thể nằm trong giới hạn nhất định/*The values presented on the above are typical data, not to be construed as specifications and may very within moderate ranges.*

Head Office: 208 Hung Vuong Street,
Quang Ngai Province – Vietnam
Tel: (84-255) 3825 825; Fax:(84-255) 3825 826
Website: www.bsr.com.vn

Site Office: Binh Tri Commune, Binh Son District,
Quang Ngai Province – Vietnam
Tel: (84-255) 3616 666; Fax: (84-255) 3616 555
Rev 2: 2024.09.10